CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÒA BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIỂU SỐ 06: BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN - NĂM 2012

(Kèm theo Quyết số ……./2011/QĐ-UBND ngày …….. tháng 12 năm 2011 của UBND tỉnh Hòa Bình)

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất (ĐVT: 1.000đồng)																											
		Nhóm 1				Nhóm 2				Nhóm 3				Nhóm 4				Nhóm 5				Nhóm 6				Nhóm 7			
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
I	**H.Kỳ Sơn**																												
1	**Mông Hóa**																												
	Khu vực 1	1600	1200	700	400																								
	Khu vực 2	1000	800	500	300																								
	Khu vực 3	300	200	150	120																								
2	**Dân Hạ**																												
	Khu vực 1					1,200	1,000	700	300																				
	Khu vực 2					600	500	400	250																				
	Khu vực 3					250	200	150	100																				
3	**Dân Hòa**																												
	Khu vực 1					1,200	1,000	700	300																				
	Khu vực 2					600	500	400	250																				
	Khu vực 3					250	200	150	100																				
4	**Yên Quang**																												
	Khu vực 1					1,200	1,000	700	300																				
	Khu vực 2					600	500	400	250																				
	Khu vực 3					250	200	150	100																				
5	**Phúc Tiến**																												
	Khu vực 1					1,200	1,000	700	300																				
	Khu vực 2					600	500	400	250																				
	Khu vực 3					250	200	150	100																				
6	**Hợp Thịnh**																												
	Khu vực 1					1,200	1,000	700	300																				
	Khu vực 2					600	500	400	250																				
	Khu vực 3					250	200	150	100																				
7	**Hợp Thành**																												
	Khu vực 1									1000	750	500	200																
	Khu vực 2									400	300	200	150																
	Khu vực 3									200	150	100	80																

DiaOcOnline.vn

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất (ĐVT: 1.000đồng)																											
		Nhóm 1				Nhóm 2				Nhóm 3				Nhóm 4				Nhóm 5				Nhóm 6				Nhóm 7			
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
8	**Phú Minh**																												
	Khu vực 1									1000	750	500	200																
	Khu vực 2									400	300	200	150																
	Khu vực 3									200	150	100	80																
9	**Độc Lập**																												
	Khu vực 1													400	300	200	150												
	Khu vực 2													250	200	150	80												
	Khu vực 3													200	150	100	60												
II	**H.Lạc Sơn**																												
1	**Ân Nghĩa**																												
	Khu vực 1	1,500	550	250	150																								
	Khu vực 2	700	350	150	100																								
	Khu vực 3	300	150	100	60																								
2	**Liên Vũ**																												
	Khu vực 1	1,500	550	250	150																								
	Khu vực 2	700	350	150	100																								
	Khu vực 3	300	150	100	60																								
3	**Nhân Nghĩa**																												
	Khu vực 1	1,500	550	250	150																								
	Khu vực 2	700	350	150	100																								
	Khu vực 3	300	150	100	60																								
4	**Thượng Cốc**																												
	Khu vực 1	1,500	550	250	150																								
	Khu vực 2	700	350	150	100																								
	Khu vực 3	300	150	100	60																								
5	**Vũ Lâm**																												
	Khu vực 1	1,500	550	250	150																								
	Khu vực 2	700	350	150	100																								
	Khu vực 3	300	150	100	60																								
6	**Xuất Hóa**																												
	Khu vực 1	1,500	550	250	150																								

DiaOcOnline.vn

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất (ĐVT: 1.000đồng)																											
		Nhóm 1				Nhóm 2				Nhóm 3				Nhóm 4				Nhóm 5				Nhóm 6				Nhóm 7			
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
	Khu vực 2	700	350	150	100																								
	Khu vực 3	300	150	100	60																								
7	**Yên Nghiệp**																												
	Khu vực 1	1,500	550	250	150																								
	Khu vực 2	700	350	150	100																								
	Khu vực 3	300	150	100	60																								
8	**Hương nhượng**																												
	Khu vực 1					800	300	150	80																				
	Khu vực 2					400	250	100	60																				
	Khu vực 3					250	120	55	50																				
9	**Yên Phú**																												
	Khu vực 1					800	300	150	80																				
	Khu vực 2					400	250	100	60																				
	Khu vực 3					250	120	55	50																				
10	**Văn Nghĩa**																												
	Khu vực 1									500	250	100	70																
	Khu vực 2									300	100	70	50																
	Khu vực 3									220	80	50	40																
11	**Định Cư**																												
	Khu vực 1									500	250	100	70																
	Khu vực 2									300	100	70	50																
	Khu vực 3									220	80	50	40																
12	**Tân Lập**																												
	Khu vực 1									500	250	100	70																
	Khu vực 2									300	100	70	50																
	Khu vực 3									220	80	50	40																
13	**Tân Mỹ**																												
	Khu vực 1									500	250	100	70																
	Khu vực 2									300	100	70	50																
	Khu vực 3									220	80	50	40																
14	**Ngọc Sơn**																												

DiaOcOnline.vn

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Tên đơn vị hành chính	**Giá đất** (ĐVT: 1.000đồng)																											
		Nhóm 1				**Nhóm 2**				**Nhóm 3**				**Nhóm 4**				**Nhóm 5**				**Nhóm 6**				**Nhóm 7**			
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
	Khu vực 1													300	100	70	60												
	Khu vực 2													150	80	60	50												
	Khu vực 3													80	55	45	40												
15	**Phú Lương**																												
	Khu vực 1													300	100	70	60												
	Khu vực 2													150	80	60	50												
	Khu vực 3													80	55	45	40												
16	**Phúc Tuy**																												
	Khu vực 1													300	100	70	60												
	Khu vực 2													150	80	60	50												
	Khu vực 3													80	55	45	40												
17	**Bình Chân**																												
	Khu vực 1																	250	80	55	50								
	Khu vực 2																	100	60	50	45								
	Khu vực 3																	70	50	40	35								
18	**Chí Đạo**																												
	Khu vực 1																	250	80	55	50								
	Khu vực 2																	100	60	50	45								
	Khu vực 3																	70	50	40	35								
19	**Mỹ Thành**																												
	Khu vực 1																	250	80	55	50								
	Khu vực 2																	100	60	50	45								
	Khu vực 3																	70	50	40	35								
20	**Tuân Đạo**																												
	Khu vực 1																	250	80	55	50								
	Khu vực 2																	100	60	50	45								
	Khu vực 3																	70	50	40	35								
21	**Ngọc Lâu**																												
	Khu vực 1																					100	60	50	45				
	Khu vực 2																					80	50	45	40				
	Khu vực 3																					60	45	35	30				

DiaOcOnline.vn

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất (ĐVT: 1.000đồng)																											
		Nhóm 1				Nhóm 2				Nhóm 3				Nhóm 4				Nhóm 5				Nhóm 6				Nhóm 7			
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
22	**Quý Hòa**																												
	Khu vực 1																					100	60	50	45				
	Khu vực 2																					80	50	45	40				
	Khu vực 3																					60	45	35	30				
23	**Bình Căng**																												
	Khu vực 1																					100	60	50	45				
	Khu vực 2																					80	50	45	40				
	Khu vực 3																					60	45	35	30				
24	**Chí Thiện**																												
	Khu vực 1																					100	60	50	45				
	Khu vực 2																					80	50	45	40				
	Khu vực 3																					60	45	35	30				
25	**Văn Sơn**																												
	Khu vực 1																					100	60	50	45				
	Khu vực 2																					80	50	45	40				
	Khu vực 3																					60	45	35	30				
26	**Bình Hẻm**																												
	Khu vực 1																									80	60	50	40
	Khu vực 2																									60	50	40	35
	Khu vực 3																									55	45	30	25
27	**Miền Đồi**																												
	Khu vực 1																									80	60	50	40
	Khu vực 2																									60	50	40	35
	Khu vực 3																									55	45	30	25
28	**Tự Do**																												
	Khu vực 1																									80	60	50	40
	Khu vực 2																									60	50	40	35
	Khu vực 3																									55	45	30	25
III	**H. Đà Bắc**																												
1	**Tu Lý**																												
	Khu vực 1	320	170	140	90																								

DiaOcOnline.vn

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất (ĐVT: 1.000đồng)																											
		Nhóm 1				Nhóm 2				Nhóm 3				Nhóm 4				Nhóm 5				Nhóm 6				Nhóm 7			
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
	Khu vực 2	120	100	85	75																								
	Khu vực 3	100	95	80	70																								
2	**Cao Sơn**																												
	Khu vực 1	320	170	140	90																								
	Khu vực 2	120	100	85	75																								
	Khu vực 3	100	95	80	70																								
3	**Toàn Sơn**																												
	Khu vực 1	320	170	140	90																								
	Khu vực 2	120	100	85	75																								
	Khu vực 3	100	95	80	70																								
4	**Mường chiềng**																												
	Khu vực 1	320	170	140	90																								
	Khu vực 2	120	100	85	75																								
	Khu vực 3	100	95	80	70																								
5	**Hào Lý**																												
	Khu vực 1					80	75	70	60																				
	Khu vực 2					70	65	60	55																				
	Khu vực 3					65	60	55	50																				
6	**Hiền Lương**																												
	Khu vực 1					80	75	70	60																				
	Khu vực 2					70	65	60	55																				
	Khu vực 3					65	60	55	50																				
7	**Tân Minh**																												
	Khu vực 1					80	75	70	60																				
	Khu vực 2					70	65	60	55																				
	Khu vực 3					65	60	55	50																				
8	**Tân Pheo**																												
	Khu vực 1					80	75	70	60																				
	Khu vực 2					70	65	60	55																				
	Khu vực 3					65	60	55	50																				
9	**Giáp Đắt**																												

DiaOcOnline.vn

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Tên đơn vị hành chính	**Giá đất** (ĐVT: 1.000đồng)																											
		Nhóm 1				**Nhóm 2**				**Nhóm 3**				**Nhóm 4**				**Nhóm 5**				**Nhóm 6**				**Nhóm 7**			
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
	Khu vực 1					80	75	70	60																				
	Khu vực 2					70	65	60	55																				
	Khu vực 3					65	60	55	50																				
10	**Yên Hòa**																												
	Khu vực 1									75	65	60	55																
	Khu vực 2									60	55	50	40																
	Khu vực 3									55	50	40	35																
11	**Đoàn Kết**																												
	Khu vực 1									75	65	60	55																
	Khu vực 2									60	55	50	40																
	Khu vực 3									55	50	40	35																
12	**Đồng Chum**																												
	Khu vực 1									75	65	60	55																
	Khu vực 2									60	55	50	40																
	Khu vực 3									55	50	40	35																
13	**Trung Thành**																												
	Khu vực 1									75	65	60	55																
	Khu vực 2									60	55	50	40																
	Khu vực 3									55	50	40	35																
14	**Đồng Nghê**																												
	Khu vực 1													55	45	40	35												
	Khu vực 2													40	35	30	25												
	Khu vực 3													35	30	25	20												
15	**Mường Tuổng**																												
	Khu vực 1													55	45	40	35												
	Khu vực 2													40	35	30	25												
	Khu vực 3													35	30	25	20												
16	**Suối Nánh**																												
	Khu vực 1													55	45	40	35												
	Khu vực 2													40	35	30	25												
	Khu vực 3													35	30	25	20												

DiaOcOnline.vn

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất (ĐVT: 1.000đồng)																											
		Nhóm 1				Nhóm 2				Nhóm 3				Nhóm 4				Nhóm 5				Nhóm 6				Nhóm 7			
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
17	**Đồng Ruộng**																												
	Khu vực 1													55	45	40	35												
	Khu vực 2													40	35	30	25												
	Khu vực 3													35	30	25	20												
18	**Tiền Phong**																												
	Khu vực 1													55	45	40	35												
	Khu vực 2													40	35	30	25												
	Khu vực 3													35	30	25	20												
19	**Vầy Nưa**																												
	Khu vực 1													55	45	40	35												
	Khu vực 2													40	35	30	25												
	Khu vực 3													35	30	25	20												
IV	**H. Tân Lạc**																												
1	**Quy Hậu**																												
	Khu vực 1	820	630	500	280																								
	Khu vực 2	460	330	260	120																								
	Khu vực 3	210	180	130	60																								
2	**Mãn Đức**																												
	Khu vực 1	820	630	500	280																								
	Khu vực 2	460	330	260	120																								
	Khu vực 3	210	180	130	60																								
3	**Tử Nê**																												
	Khu vực 1	820	630	500	280																								
	Khu vực 2	460	330	260	120																								
	Khu vực 3	210	180	130	60																								
4	**Phong Phú**																												
	Khu vực 1	820	630	500	280																								
	Khu vực 2	460	330	260	120																								
	Khu vực 3	210	180	130	60																								
5	**Thanh Hối**																												
	Khu vực 1					650	450	400	200																				

DiaOcOnline.vn

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất (ĐVT: 1.000đồng)																											
		Nhóm 1				Nhóm 2				Nhóm 3				Nhóm 4				Nhóm 5				Nhóm 6				Nhóm 7			
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
	Khu vực 2					360	280	230	100																				
	Khu vực 3					170	135	110	55																				
6	**Đông Lai**																												
	Khu vực 1					650	450	400	200																				
	Khu vực 2					360	280	230	100																				
	Khu vực 3					170	135	110	55																				
7	**Ngọc Mỹ**																												
	Khu vực 1					650	450	400	200																				
	Khu vực 2					360	280	230	100																				
	Khu vực 3					170	135	110	55																				
8	**Tuân Lộ**																												
	Khu vực 1					650	450	400	200																				
	Khu vực 2					360	280	230	100																				
	Khu vực 3					170	135	110	55																				
9	**Phú Cường**																												
	Khu vực 1					650	450	400	200																				
	Khu vực 2					360	280	230	100																				
	Khu vực 3					170	135	110	55																				
10	**Quy Mỹ**																												
	Khu vực 1									270	200	160	85																
	Khu vực 2									160	130	100	60																
	Khu vực 3									65	60	55	50																
11	**Địch Giáo**																												
	Khu vực 1									270	200	160	85																
	Khu vực 2									160	130	100	60																
	Khu vực 3									65	60	55	50																
12	**Mỹ Hòa**																												
	Khu vực 1									270	200	160	85																
	Khu vực 2									160	130	100	60																
	Khu vực 3									65	60	55	50																
13	**Do Nhân**																												

DiaOcOnline.vn

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Tên đơn vị hành chính	**Giá đất** (ĐVT: 1.000đồng)																											
		Nhóm 1				**Nhóm 2**				**Nhóm 3**				**Nhóm 4**				**Nhóm 5**				**Nhóm 6**				**Nhóm 7**			
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
	Khu vực 1													170	110	90	60												
	Khu vực 2													70	60	55	50												
	Khu vực 3													60	55	50	45												
14	**Lỗ Sơn**																												
	Khu vực 1													170	110	90	60												
	Khu vực 2													70	60	55	50												
	Khu vực 3													60	55	50	45												
15	**Gia Mô**																												
	Khu vực 1													170	110	90	60												
	Khu vực 2													70	60	55	50												
	Khu vực 3													60	55	50	45												
16	**Trung Hòa**																												
	Khu vực 1													170	110	90	60												
	Khu vực 2													70	60	55	50												
	Khu vực 3													60	55	50	45												
17	**Lũng Vân**																												
	Khu vực 1													170	110	90	60												
	Khu vực 2													70	60	55	50												
	Khu vực 3													60	55	50	45												
18	**Quyết Chiến**																												
	Khu vực 1																	60	55	50	40								
	Khu vực 2																	50	45	40	35								
	Khu vực 3																	45	40	35	30								
19	**Phú Vinh**																												
	Khu vực 1																	60	55	50	40								
	Khu vực 2																	50	45	40	35								
	Khu vực 3																	45	40	35	30								
20	**Ngổ Luông**																												
	Khu vực 1																	60	55	50	40								
	Khu vực 2																	50	45	40	35								
	Khu vực 3																	45	40	35	30								

DiaOcOnline.vn

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất (ĐVT: 1.000đồng)																											
		Nhóm 1				Nhóm 2				Nhóm 3				Nhóm 4				Nhóm 5				Nhóm 6				Nhóm 7			
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
21	**Bắc Sơn**																												
	Khu vực 1																	60	55	50	40								
	Khu vực 2																	50	45	40	35								
	Khu vực 3																	45	40	35	30								
22	**Nam Sơn**																												
	Khu vực 1																	60	55	50	40								
	Khu vực 2																	50	45	40	35								
	Khu vực 3																	45	40	35	30								
23	**Ngòi Hoa**																												
	Khu vực 1																	60	55	50	40								
	Khu vực 2																	50	45	40	35								
	Khu vực 3																	45	40	35	30								
V	**H.Cao Phong**																												
1	**Tây Phong**																												
	Khu vực 1	700	500	450	300																								
	Khu vực 2	500	450	300	250																								
	Khu vực 3	350	300	250	200																								
2	**Nam Phong**																												
	Khu vực 1	700	500	450	300																								
	Khu vực 2	500	450	300	250																								
	Khu vực 3	350	300	250	200																								
3	**Thu Phong**																												
	Khu vực 1	700	500	450	300																								
	Khu vực 2	500	450	300	250																								
	Khu vực 3	350	300	250	200																								
4	**Dũng Phong**																												
	Khu vực 1					450	350	300	250																				
	Khu vực 2					300	250	200	150																				
	Khu vực 3					250	200	150	100																				
5	**Bắc Phong**																												
	Khu vực 1					450	350	300	250																				

DiaOcOnline.vn

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Tên đơn vị hành chính	**Giá đất** (ĐVT: 1.000đồng)																											
		Nhóm 1				**Nhóm 2**				**Nhóm 3**				**Nhóm 4**				**Nhóm 5**				**Nhóm 6**				**Nhóm 7**			
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
	Khu vực 2					300	250	200	150																				
	Khu vực 3					250	200	150	100																				
6	**Tân Phong**																												
	Khu vực 1					chuyển	nhóm	3		300	200	150	100																
	Khu vực 2									200	180	160	140																
	Khu vực 3									150	130	110	90																
7	**Bình Thanh**																												
	Khu vực 1									300	200	150	100																
	Khu vực 2									200	180	160	140																
	Khu vực 3									150	130	110	90																
8	**Đông Phong**																												
	Khu vực 1									300	200	150	100																
	Khu vực 2									200	180	160	140																
	Khu vực 3									150	130	110	90																
9	**Thung Nai**																												
	Khu vực 1									300	200	150	100																
	Khu vực 2									200	180	160	140																
	Khu vực 3									150	130	110	90																
10	**Xuân Phong**																												
	Khu vực 1									300	200	150	100																
	Khu vực 2									200	180	160	140																
	Khu vực 3									150	130	110	90																
11	**Yên Thượng**																												
	Khu vực 1													90	85	80	75												
	Khu vực 2													80	75	70	65												
	Khu vực 3													70	65	60	55												
12	**Yên Lập**																												
	Khu vực 1													90	85	80	75												
	Khu vực 2													80	75	70	65												
	Khu vực 3													70	65	60	55												

DiaOcOnline.vn

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất (ĐVT: 1.000đồng)																											
		Nhóm 1				Nhóm 2				Nhóm 3				Nhóm 4				Nhóm 5				Nhóm 6				Nhóm 7			
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
VI	**Lương Sơn**																												
1	**Hòa Sơn**																												
	Khu vực 1	4,500	3,000	2,000	1,000																								
	Khu vực 2	3,000	2,000	1,300	700																								
	Khu vực 3	2,500	1,500	800	500																								
2	**Nhuận Trạch**																												
	Khu vực 1	4,500	3,000	2,000	1,000																								
	Khu vực 2	3,000	2,000	1,300	700																								
	Khu vực 3	2,500	1,500	800	500																								
3	**Tân Vinh**																												
	Khu vực 1					3,000	2,300	1,500	900																				
	Khu vực 2					2,400	1,800	1,200	700																				
	Khu vực 3					1,900	1,300	800	400																				
4	**Lâm Sơn**																												
	Khu vực 1					3,000	2,300	1,500	900																				
	Khu vực 2					2,400	1,800	1,200	700																				
	Khu vực 3					1,900	1,300	800	400																				
5	**Thành Lập**																												
	Khu vực 1					3,000	2,300	1,500	900																				
	Khu vực 2					2,400	1,800	1,200	700																				
	Khu vực 3					1,900	1,300	800	400																				
6	**Trung Sơn**																												
	Khu vực 1									2,000	1,400	800	600																
	Khu vực 2									1,600	1,000	600	400																
	Khu vực 3									1,000	700	500	200																
7	**Cao Thắng**																												
	Khu vực 1									2,000	1,400	800	600																
	Khu vực 2									1,600	1,000	600	400																
	Khu vực 3									1,000	700	500	200																
8	**Cao Dương**																												

DiaOcOnline.vn

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất (ĐVT: 1.000đồng)																											
		Nhóm 1				Nhóm 2				Nhóm 3				Nhóm 4				Nhóm 5				Nhóm 6				Nhóm 7			
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
	Khu vực 1									2,000	1,400	800	600																
	Khu vực 2									1,600	1,000	600	400																
	Khu vực 3									1,000	700	500	200																
9	**Hợp Thanh**																												
	Khu vực 1													600	400	300	250												
	Khu vực 2													400	300	250	200												
	Khu vực 3													300	250	200	150												
10	**Thanh Lương**																												
	Khu vực 1													600	400	300	250												
	Khu vực 2													400	300	250	200												
	Khu vực 3													300	250	200	150												
11	**Tân Thành**																												
	Khu vực 1													600	400	300	250												
	Khu vực 2													400	300	250	200												
	Khu vực 3													300	250	200	150												
12	**Cư Yên**																												
	Khu vực 1					3,000	2,300	1,500	900																				
	Khu vực 2					2,400	1,800	1,200	700																				
	Khu vực 3					1,900	1,300	800	400																				
13	**Liên Sơn**																												
	Khu vực 1													600	400	300	250												
	Khu vực 2													400	300	250	200												
	Khu vực 3													300	250	200	150												
14	**Long Sơn**																												
	Khu vực 1													600	400	300	250												
	Khu vực 2													400	300	250	200												
	Khu vực 3													300	250	200	150												
15	**Hợp Hòa**																												
	Khu vực 1													600	400	300	250												
	Khu vực 2													400	300	250	200												
	Khu vực 3													300	250	200	150												
16	**Trường Sơn**																												

DiaOcOnline.vn

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất (ĐVT: 1.000đồng)																											
		Nhóm 1				Nhóm 2				Nhóm 3				Nhóm 4				Nhóm 5				Nhóm 6				Nhóm 7			
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
	Khu vực 1																	400	300	150	120								
	Khu vực 2																	250	180	120	100								
	Khu vực 3																	200	150	100	80								
17	**Tiến Sơn**																												
	Khu vực 1																	400	300	150	120								
	Khu vực 2																	250	180	120	100								
	Khu vực 3																	200	150	100	80								
18	**Cao Răm**																												
	Khu vực 1																					150	120	80	70				
	Khu vực 2																					120	100	70	50				
	Khu vực 3																					100	80	60	40				
19	**Hợp Châu**																												
	Khu vực 1																					150	120	80	70				
	Khu vực 2																					120	100	70	50				
	Khu vực 3																					100	80	60	40				
VII	**H.Mai Châu**																												
1	**Chiềng Châu**																												
	Khu vực 1	600	480	390	200																								
	Khu vực 2	160	130	110	65																								
	Khu vực 3	70	65	60	55																								
2	**Tòng Đậu**																												
	Khu vực 1	600	480	390	200																								
	Khu vực 2	160	130	110	65																								
	Khu vực 3	70	65	60	55																								
3	**Vạn Mai**																												
	Khu vực 1	600	480	390	200																								
	Khu vực 2	160	130	110	65																								
	Khu vực 3	70	65	60	55																								
4	**Đồng Bảng**																												
	Khu vực 1	600	480	390	200																								

DiaOcOnline.vn

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất (ĐVT: 1.000đồng)																											
		Nhóm 1				Nhóm 2				Nhóm 3				Nhóm 4				Nhóm 5				Nhóm 6				Nhóm 7			
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
	Khu vực 2	160	130	110	65																								
	Khu vực 3	70	65	60	55																								
5	**Mai Hạ**																												
	Khu vực 1					240	200	160	95																				
	Khu vực 2					95	80	65	55																				
	Khu vực 3					60	55	50	45																				
6	**Bao La**																												
	Khu vực 1					240	200	160	95																				
	Khu vực 2					95	80	65	55																				
	Khu vực 3					60	55	50	45																				
7	**Xăm Khòe**																												
	Khu vực 1					240	200	160	95																				
	Khu vực 2					95	80	65	55																				
	Khu vực 3					60	55	50	45																				
8	**Tân Sơn**																												
	Khu vực 1					240	200	160	95																				
	Khu vực 2					95	80	65	55																				
	Khu vực 3					60	55	50	45																				
9	**Mai Hịch**																												
	Khu vực 1									100	80	70	60																
	Khu vực 2									70	60	50	40																
	Khu vực 3									50	45	40	35																
10	**Nà Phòn**																												
	Khu vực 1									100	80	70	60																
	Khu vực 2									70	60	50	40																
	Khu vực 3									50	45	40	35																
11	**Piềng Vế**																												
	Khu vực 1									100	80	70	60																
	Khu vực 2									70	60	50	40																
	Khu vực 3									50	45	40	35																
12	**Pà Cò**																												
	Khu vực 1									100	80	70	60																

DiaOcOnline.vn

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất (ĐVT: 1.000đồng)																											
		Nhóm 1				Nhóm 2				Nhóm 3				Nhóm 4				Nhóm 5				Nhóm 6				Nhóm 7			
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
	Khu vực 2									70	60	50	40																
	Khu vực 3									50	45	40	35																
13	**Phúc Sạn**																												
	Khu vực 1									100	80	70	60																
	Khu vực 2									70	60	50	40																
	Khu vực 3									50	45	40	35																
14	**Nà Mèo**																												
	Khu vực 1													70	50	45	40												
	Khu vực 2													60	45	40	35												
	Khu vực 3													50	40	35	30												
15	**Ba Khan**																												
	Khu vực 1													70	50	45	40												
	Khu vực 2													60	45	40	35												
	Khu vực 3													50	40	35	30												
16	**Thung Khe**																												
	Khu vực 1													70	50	45	40												
	Khu vực 2													60	45	40	35												
	Khu vực 3													50	40	35	30												
17	**Cun Pheo**																												
	Khu vực 1													70	50	45	40												
	Khu vực 2													60	45	40	35												
	Khu vực 3													50	40	35	30												
18	**Hang Kia**																												
	Khu vực 1													70	50	45	40												
	Khu vực 2													60	45	40	35												
	Khu vực 3													50	40	35	30												
19	**Tân Mai**																												
	Khu vực 1													70	50	45	40												
	Khu vực 2													60	45	40	35												
	Khu vực 3													50	40	35	30												
20	**Tân Dân**																												

DiaOcOnline.vn

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất (ĐVT: 1.000đồng)																											
		Nhóm 1				Nhóm 2				Nhóm 3				Nhóm 4				Nhóm 5				Nhóm 6				Nhóm 7			
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
	Khu vực 1													70	50	45	40												
	Khu vực 2													60	45	40	35												
	Khu vực 3													50	40	35	30												
21	**Pù Bin**																												
	Khu vực 1													70	50	45	40												
	Khu vực 2													60	45	40	35												
	Khu vực 3													50	40	35	30												
22	**Noong Luông**																												
	Khu vực 1													70	50	45	40												
	Khu vực 2													60	45	40	35												
	Khu vực 3													50	40	35	30												
VIII	**H. Lạc Thủy**																												
1	**Thanh Nông**																												
	Khu vực 1	2,200	1,500	750	600																								
	Khu vực 2	435	320	250	200																								
	Khu vực 3	200	150	100	80																								
2	**Phú Thành**																												
	Khu vực 1	2,500	1,800	850	700																								
	Khu vực 2	500	420	300	250																								
	Khu vực 3	250	200	150	120																								
3	**Phú Lão**																												
	Khu vực 1	2,500	1,800	850	700																								
	Khu vực 2	500	420	300	250																								
	Khu vực 3	250	200	150	120																								
4	**Đồng Tâm**																												
	Khu vực 1	2,500	1,800	850	700																								
	Khu vực 2	500	420	300	250																								
	Khu vực 3	250	200	150	120																								
5	**Khoan Dụ**																												
	Khu vực 1					1,100	900	700	350																				
	Khu vực 2					350	300	250	200																				

DiaOcOnline.vn

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất (ĐVT: 1.000đồng)																											
		Nhóm 1				Nhóm 2				Nhóm 3				Nhóm 4				Nhóm 5				Nhóm 6				Nhóm 7			
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
	Khu vực 3					150	120	110	100																				
6	**Cố Nghĩa**																												
	Khu vực 1					1,100	900	700	350																				
	Khu vực 2					350	300	250	200																				
	Khu vực 3					150	120	110	100																				
7	**Lạc Long**																												
	Khu vực 1									1,000	400	350	250																
	Khu vực 2									200	150	130	100																
	Khu vực 3									100	90	80	70																
8	**Yên Bồng**																												
	Khu vực 1													350	300	250	200												
	Khu vực 2													200	150	120	100												
	Khu vực 3													120	100	75	65												
9	**An Bình**																												
	Khu vực 1													350	300	250	200												
	Khu vực 2													200	150	120	100												
	Khu vực 3													120	100	75	65												
10	**Hưng Thi**																												
	Khu vực 1													350	300	250	200												
	Khu vực 2													200	150	120	100												
	Khu vực 3													120	100	75	65												
11	**Liên Hòa**																												
	Khu vực 1													350	300	250	200												
	Khu vực 2													200	150	120	100												
	Khu vực 3													120	100	75	65												
12	**An Lạc**																												
	Khu vực 1																	200	180	160	150								
	Khu vực 2																	150	130	120	90								
	Khu vực 3																	90	75	65	60								
13	**Đồng Môn**																												
	Khu vực 1																	200	180	160	150								

DiaOcOnline.vn

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất (ĐVT: 1.000đồng)																											
		Nhóm 1				Nhóm 2				Nhóm 3				Nhóm 4				Nhóm 5				Nhóm 6				Nhóm 7			
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
	Khu vực 2																	150	130	120	90								
	Khu vực 3																	90	75	65	60								
IX	**H.Kim Bôi**																												
1	**Hạ Bì**																												
	Khu vực 1	4,500	2,000	1,000	500																								
	Khu vực 2	3,000	1,500	600	400																								
	Khu vực 3	500	300	200	100																								
2	**Kim Bình**																												
	Khu vực 1	4,500	2,000	1,000	500																								
	Khu vực 2	3,000	1,500	600	400																								
	Khu vực 3	500	300	200	100																								
3	**Tú Sơn**																												
	Khu vực 1					3,000	1,500	700	300																				
	Khu vực 2					2,000	1,000	400	200																				
	Khu vực 3					200	100	80	70																				
4	**Vĩnh Tiến**																												
	Khu vực 1									1,500	800	400	250																
	Khu vực 2									800	400	260	160																
	Khu vực 3									100	80	70	65																
5	**Nam Thượng**																												
	Khu vực 1									1,500	800	400	250																
	Khu vực 2									800	400	260	160																
	Khu vực 3									100	80	70	65																
6	**Vĩnh Đồng**																												
	Khu vực 1									1,500	800	400	250																
	Khu vực 2									800	400	260	160																
	Khu vực 3									100	80	70	65																
7	**Đông Bắc**																												
	Khu vực 1									1,500	800	400	250																
	Khu vực 2									800	400	260	160																
	Khu vực 3									100	80	70	65																

DiaOcOnline.vn

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Tên đơn vị hành chính	**Giá đất** (ĐVT: 1.000đồng)																											
		Nhóm 1				**Nhóm 2**				**Nhóm 3**				**Nhóm 4**				**Nhóm 5**				**Nhóm 6**				**Nhóm 7**			
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
8	**Mỵ Hòa**																												
	Khu vực 1													800	400	250	150												
	Khu vực 2													400	200	100	65												
	Khu vực 3													80	70	65	60												
9	**Hợp Kim**																												
	Khu vực 1													800	400	250	150												
	Khu vực 2													400	200	100	65												
	Khu vực 3													80	70	65	60												
10	**Sào Báy**																												
	Khu vực 1																	600	300	160	120								
	Khu vực 2																	150	80	65	60								
	Khu vực 3																	70	65	60	55								
11	**Kim Bôi**																												
	Khu vực 1																	600	300	160	120								
	Khu vực 2																	150	80	65	60								
	Khu vực 3																	70	65	60	55								
12	**Bình Sơn**																												
	Khu vực 1																	600	300	160	120								
	Khu vực 2																	150	80	65	60								
	Khu vực 3																	70	65	60	55								
13	**Kim Tiến**																												
	Khu vực 1																	600	300	160	120								
	Khu vực 2																	150	80	65	60								
	Khu vực 3																	70	65	60	55								
14	**Kim Sơn**																												
	Khu vực 1																					100	80	65	55				
	Khu vực 2																					80	65	55	50				
	Khu vực 3																					60	55	50	45				
15	**Cuối Hạ**																												
	Khu vực 1																					100	80	65	55				
	Khu vực 2																					80	65	55	50				
	Khu vực 3																					60	55	50	45				

DiaOcOnline.vn

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Tên đơn vị hành chính	**Giá đất** (ĐVT: 1.000đồng)																											
		Nhóm 1				**Nhóm 2**				**Nhóm 3**				**Nhóm 4**				**Nhóm 5**				**Nhóm 6**				**Nhóm 7**			
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
16	**Bắc Sơn**																												
	Khu vực 1																					100	80	65	55				
	Khu vực 2																					80	65	55	50				
	Khu vực 3																					60	55	50	45				
17	**Sơn Thủy**																												
	Khu vực 1																					100	80	65	55				
	Khu vực 2																					80	65	55	50				
	Khu vực 3																					60	55	50	45				
18	**Đú Sáng**																												
	Khu vực 1																									80	65	60	55
	Khu vực 2																									65	60	55	50
	Khu vực 3																									60	55	50	45
19	**Nật Sơn**																												
	Khu vực 1																									80	65	60	55
	Khu vực 2																									65	60	55	50
	Khu vực 3																									60	55	50	45
20	**Hùng Tiến**																												
	Khu vực 1																									80	65	60	55
	Khu vực 2																									65	60	55	50
	Khu vực 3																									60	55	50	45
21	**Hợp Đồng**																												
	Khu vực 1																									80	65	60	55
	Khu vực 2																									65	60	55	50
	Khu vực 3																									60	55	50	45
22	**Thượng Tiến**																												
	Khu vực 1																									80	65	60	55
	Khu vực 2																									65	60	55	50
	Khu vực 3																									60	55	50	45
23	**Trung Bì**																												
	Khu vực 1																									80	65	60	55
	Khu vực 2																									65	60	55	50

DiaOcOnline.vn

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất (ĐVT: 1.000đồng)																											
		Nhóm 1				Nhóm 2				Nhóm 3				Nhóm 4				Nhóm 5				Nhóm 6				Nhóm 7			
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
	Khu vực 3																									60	55	50	45
24	**Thượng Bì**																												
	Khu vực 1																									80	65	60	55
	Khu vực 2																									65	60	55	50
	Khu vực 3																									60	55	50	45
25	**Kim Truy**																												
	Khu vực 1																									80	65	60	55
	Khu vực 2																									65	60	55	50
	Khu vực 3																									60	55	50	45
26	**Lập Chiệng**																												
	Khu vực 1																									80	65	60	55
	Khu vực 2																									65	60	55	50
	Khu vực 3																									60	55	50	45
27	**Nuông Dăm**																												
	Khu vực 1																									80	65	60	55
	Khu vực 2																									65	60	55	50
	Khu vực 3																									60	55	50	45
X	**H.Yên Thủy**																												
1	**Yên Lạc**																												
	Khu vực 1	2,000	1,400	900	520																								
	Khu vực 2	250	200	160	100																								
	Khu vực 3	90	80	750	70																								
2	**Lạc Thịnh**																												
	Khu vực 1	2,000	1,400	900	520																								
	Khu vực 2	250	200	160	100																								
	Khu vực 3	90	80	750	70																								
3	**Ngọc Lương**																												
	Khu vực 1					920	570	460	300																				
	Khu vực 2					190	170	140	90																				
	Khu vực 3					80	75	65	60																				
4	**Yên Trị**																												

DiaOcOnline.vn

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Tên đơn vị hành chính	**Giá đất** (ĐVT: 1.000đồng)																											
		Nhóm 1				**Nhóm 2**				**Nhóm 3**				**Nhóm 4**				**Nhóm 5**				**Nhóm 6**				**Nhóm 7**			
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
	Khu vực 1					920	570	460	300																				
	Khu vực 2					190	170	140	90																				
	Khu vực 3					80	75	65	60																				
5	**Bảo Hiệu**																												
	Khu vực 1					920	570	460	300																				
	Khu vực 2					190	170	140	90																				
	Khu vực 3					80	75	65	60																				
6	**Phú Lai**																												
	Khu vực 1					920	570	460	300																				
	Khu vực 2					190	170	140	90																				
	Khu vực 3					80	75	65	60																				
7	**Đa Phúc**																												
	Khu vực 1									140	110	100	65																
	Khu vực 2									90	75	70	60																
	Khu vực 3									70	65	60	50																
8	**Lạc Hưng**																												
	Khu vực 1									140	110	100	65																
	Khu vực 2									90	75	70	60																
	Khu vực 3									70	65	60	50																
9	**Đoàn Kết**																												
	Khu vực 1									140	110	100	65																
	Khu vực 2									90	75	70	60																
	Khu vực 3									70	65	60	50																
10	**Lạc Lương**																												
	Khu vực 1													120	110	90	70												
	Khu vực 2													70	60	50	45												
	Khu vực 3													60	50	45	40												
11	**Lạc Sỹ**																												
	Khu vực 1																	70	65	50	45								
	Khu vực 2																	60	50	45	40								
	Khu vực 3																	50	45	40	35								

DiaOcOnline.vn

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất (ĐVT: 1.000đồng)																											
		Nhóm 1				Nhóm 2				Nhóm 3				Nhóm 4				Nhóm 5				Nhóm 6				Nhóm 7			
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
12	**Hữu Lợi**																												
	Khu vực 1																	70	65	50	45								
	Khu vực 2																	60	50	45	40								
	Khu vực 3																	50	45	40	35								
XI	**TP Hòa Bình**																												
1	**Sủ ngòi**																												
a	**Đất khu vực nông thôn**																												
	Khu vực 1	1,500	1,000	700	500																								
	Khu vực 2	800	600	450	250																								
	Khu vực 3	400	300	200	150																								
b	**Đất ven nội thành**																												
	Đất dân cư tại các đường có mặt đường rộng trên 2,5m; Các lô đất có mặt tiếp giáp với đê Quỳnh Lâm từ cống số 6 đến phường Đồng Tiến.	2,000	1,600	1,300	800																								
	Đất khu dân cư c có mặt đường rộng dưới 2,5m.	1,000	800	650	400																								
2	**Dân Chủ**																												
a	**Đất khu vực nông thôn**																												
	Khu vực 1					1,500	1,000	700	500																				
	Khu vực 2					800	600	450	250																				
	Khu vực 3					400	300	200	150																				
b	**Đất ven nội thành**																												
	Các khu đất tiếp giáp đường Lý Thường Kiệt					3,500	2,800	2,300	1,400																				
	Các khu đất tiếp giáp đường Võ Thị Sáu					2,500	2,000	1,650	1,000																				

DiaOcOnline.vn

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất (ĐVT: 1.000đồng)																											
		Nhóm 1				Nhóm 2				Nhóm 3				Nhóm 4				Nhóm 5				Nhóm 6				Nhóm 7			
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
3	**Hoà Bình**																												
	Khu vực 1									600	500	400	300																
	Khu vực 2									300	250	200	180																
	Khu vực 3									200	180	150	120																
4	**Trung Minh**																												
	Khu vực 1									3,000	2,500	2,000	1,800																
	Khu vực 2									2,000	1,700	1,400	1,000																
	Khu vực 3									500	400	300	200																
5	**Thống Nhất**																												
a	**Đất khu vực nông thôn**																												
	Khu vực 1													1,500	1,000	700	500												
	Khu vực 2													800	500	300	200												
	Khu vực 3													400	300	200	150												
b	**Đất ven nội thành**																												
	Các khu đất tiếp giáp đường Lý Thường Kiệt													3,500	2,800	2,300	1,400												
	Các khu đất dân cư chân cầu Mát													1,000	800	650	400												
6	**Thái Thịnh**																												
	Khu vực 1																	500	400	350	200								
	Khu vực 2																	400	300	200	150								
	Khu vực 3																	300	250	150	100								
7	**Yên Mông**																												
	Khu vực 1																	500	400	350	200								
	Khu vực 2																	400	300	200	150								
	Khu vực 3																	300	250	150	100								

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

DiaOcOnline.vn